

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2025
V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn L

2. Bà Nguyễn Thị T

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:**
Bà Đinh Thị Y – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Ngọc D, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Số 38, đường Đ, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn Ông Cao Minh T, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Số 34/71, đường Đ, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Dương Ngọc D có mặt.

Bị đơn ông Cao Minh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Dương Ngọc D) trình bày:**

Bà Dương Ngọc D đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Số 38, đường Đ, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

Năm 2019, bà Dương Ngọc D làm công nhân khai thác mỏ cao su của Nông trường cao su T – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên cao su D. Đến năm 2024 thì chuyển về Nông trường cao su B cho đến nay. Thu nhập mức lương bình quân hàng tháng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Ngoài mức thu thập trên thì bà Dương Ngọc D còn bán nước giải khát tại nhà với mức thu nhập hàng tháng từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng.

Ngoài cháu Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021 thì bà D còn đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Phan Thị Anh T học lớp 10 Trường phổ thông trung học D thuộc huyện D, tỉnh B. Cháu Phan Thị Anh T là con riêng của bà D và ông Phan Hòa H, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh T, hai bên đã ly hôn năm 2012 do Tòa án thành phố T giải quyết. Hiện nay bà D chưa lập gia đình với ai.

Trước đây, giữa ông Cao Minh T, sinh năm 1988 và bà Dương Ngọc D quan hệ là vợ chồng. Năm 2024, bà D đã làm đơn ly hôn với ông T và đến ngày 04/7/2024, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 148/2024/QĐST-HNGĐ. Nội dung của quyết định về con chung là bà Dương Ngọc D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021. Ông Cao Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau khi có quyết định thuận tình ly hôn thì ông Cao Minh T hoàn toàn không cấp dưỡng nuôi con và không thăm nom, chăm sóc gì đối với cháu Cao Anh T. Bà Dung tạo điều kiện để cho ông T thăm gặp con chung nhưng ngược lại phía ông T hoàn toàn không có thăm hỏi gì đến sức khỏe và ăn học của cháu Cao Anh T như thế nào.

Hiện nay cháu Cao Anh T đang học lớp mẫu giáo của trường mầm non t thuộc xã t, huyện huyện D, tỉnh B với chi phí ăn uống, học phí hàng tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Công việc chăm sóc, đưa đón con đi học hàng ngày đều do bà D thực hiện, phía ông T hoàn toàn không có trách nhiệm gì. Chi phí hàng tháng của cháu Phan Thị Anh T hơn 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Như vậy, tổng chi phí sinh hoạt của 03 mẹ con tiêu dùng trong một tháng hơn 10.000.000 đồng.

Công việc của ông Cao Minh T hiện nay đang làm công nhân ở bộ phận khai thác mỏ cao su thuộc tổ 2 của Nông trường cao su T – Công ty TNHH MTV cao su D từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Mức thu thập bình quân hàng tháng khoảng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Bị đơn (ông Cao Minh T) trình bày:**

Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Cao Minh T, tuy nhiên bị đơn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bị đơn.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự.

Nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn ông T cấp dưỡng nuôi con chung tên Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đây là tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Tòa án xác định xác định đúng quan hệ pháp luật.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy:

Ngày 04/7/2024, Tòa án nhân dân huyện D ra Quyết định số 148/2024/QĐST-HNGĐ về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà D và bị đơn ông T, về con chung, nguyên đơn bà D trực tiếp nuôi con chung tên Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021, bị đơn ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Cao Anh T mỗi tháng 900.000 đồng kể từ tháng 7/2024.

Hiện nay, nguyên đơn bà D cho rằng cuộc sống của nguyên đơn bà D vô cùng khó khăn, thu nhập hằng tháng từ tiền lương của nguyên đơn khoảng 8.000.000 đồng và thu nhập thêm từ việc bán nước giải khát tại nhà khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng chỉ đủ trang trải cuộc sống, trong khi chi phí ăn học và chi phí sinh hoạt của cháu Cao Anh T ngày càng tăng. Ngoài ra, nguyên đơn bà D còn đang nuôi dưỡng cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 11/7/2009 là con riêng của nguyên đơn bà D và ông Phan Hòa H, hai bên đã ly hôn năm 2012 do Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh T giải quyết. Do đó, nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn ông T cấp dưỡng nuôi con chung Cao Anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho bị đơn ông T nhưng không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông T nên bị đơn ông T đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

Theo biên bản xác minh ngày 21/5/2025, bị đơn ông T sau khi ly hôn với nguyên đơn bà D, bị đơn ông T chưa đăng ký kết hôn với ai. Hiện tại, bị đơn ông T đang làm công nhân khai thác mỏ cao su tại Nông trường cao su T – Công ty TNHH MTV cao su D thu nhập hằng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Như vậy, hiện nay nguyên đơn bà D đang phải nuôi 02 con nhỏ nên cuộc sống khó khăn, thu nhập chỉ đủ trang trải cuộc sống hằng ngày. Do đó, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, học tập của cháu Cao Anh T và căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của bị đơn ông T, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Căn cứ các Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết các vụ việc Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Ngọc D khởi kiện ông Cao Minh T về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hiện tại ông Cao Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 34/71, đường Đ, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

[2] Tại phiên tòa xét xử bị đơn ông Cao Minh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trước đây, giữa ông Cao Minh T và bà Dương Ngọc D quan hệ là vợ chồng. Năm 2024, bà Dương Ngọc D đã làm đơn ly hôn với ông Cao Minh T và đến ngày 04/7/2024, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 148/2024/QĐST-HNGĐ. Nội dung của quyết định về con chung là bà Dương Ngọc D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021. Ông Cao Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Đánh giá tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, xét thấy công việc hiện nay của bà Dương Ngọc D đang làm công nhân khai thác mỏ cao su của Nông trường cao su B – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên cao su D với thu nhập mức lương bình quân hàng tháng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Ngoài mức thu thập trên thì bà Dương Ngọc D còn bán nước giải khát tại nhà với mức thu nhập hàng tháng từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng. Ngoài cháu Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021 thì bà Dương Ngọc D còn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Phan Thị Anh T học lớp 10 Trường phổ thông trung học D thuộc thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Cháu Phan Thị Anh T là con riêng của bà Dương Ngọc D và ông Phan Hòa H, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh T, hai bên đã

ly hôn năm 2012 do Tòa án thành phố T giải quyết. Hiện nay bà Dương Ngọc D chưa lập gia đình với ai.

Đối với bị đơn ông Cao Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt. Ngày 14/4/2025, Tòa án ra thông báo yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ số 116/2025/TB-TA để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tuy nhiên bị đơn ông Cao Minh T không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đánh giá, xem xét chứng cứ là đơn xin xác nhận ngày 06/5/2025 và kết quả xác minh ngày 21/5/2025 xác định ông Cao Minh T chưa đăng ký kết hôn với ai và không có chăm sóc, phụng dưỡng ai. Công việc của ông Cao Minh T đang làm công nhân ở bộ phận khai thác mủ cao su thuộc tổ 2 của Nông trường cao su T – Công ty TNHH Một Thành Viên cao su D với mức lương cơ bản 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) thể hiện tại Công văn số 765/CSĐT-TCLĐTL ngày 03/6/2025 của Công ty TNHH Một Thành Viên cao su D. Như vậy, với mức thu nhập hiện tại của nguyên đơn chỉ đảm bảo trang trải cuộc sống hằng ngày, trong khi chi phí học tập và chi phí sinh hoạt của cháu Cao Anh T ngày càng tăng cao, bên cạnh đó bà Dương Ngọc D còn nuôi dưỡng, lo chi phí ăn học đối với cháu Phan Thị Anh T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thể hiện *“Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Đồng thời quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động thì Vùng I tại huyện D thuộc tỉnh B từ ngày 01/7/2024 xác định mức lương tối thiểu vùng là 4.960.000 đồng/tháng. Do đó, 1/2 mức lương tối thiểu là 2.480.000 đồng, mặc dù tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là thấp hơn số tiền chênh lệch 480.000 đồng so với quy định nhưng xét đây là ý chí tự nguyện của bà Dương Ngọc D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đối với mức cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn mỗi tháng số tiền 900.000 đồng là hoàn toàn không phù hợp với thực tế và thiết yếu đối với người được cấp dưỡng. Do đó, việc thay đổi mức cấp dưỡng từ 900.000 đồng thành 2.000.000 đồng và số tiền cấp dưỡng 2.000.000 đồng này căn cứ vào mức thu thập cơ bản, khả năng thực tế của bị đơn thì vẫn đảm bảo cuộc sống của ông Cao Minh T là phù hợp với quy định tại Điều 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của bà Dương Ngọc D đối với ông Cao Minh T và buộc ông Cao Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn ông Cao Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Ngọc D đối với ông Cao Minh T về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”.

Buộc ông Cao Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Cao Anh T, sinh ngày 08/4/2021 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 6 năm 2025.

Nội dung quyết định của Bản án này thay thế cho một phần Quyết định về cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 148/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Kể từ ngày bà Dương Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Cao Minh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền trên, thì hàng tháng ông Cao Minh T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Án phí cấp dưỡng nuôi con:

- Ông Cao Minh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Dương Ngọc D 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007080 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/6/2025).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân N